ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 410 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 02 tháng 05 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 205/TTr-TNMT ngày 26/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân, địa chỉ trụ sở chính tại Thôn Phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Xây dựng bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân" tại thôn Phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân

1.2. Chủ dự án: Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân.

1.3. Địa điểm hoạt động: Tại xứ đồng Huynh, thôn Phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2400489519 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/7/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7385012473 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 24/10/2014, chứng nhận điều chỉnh lần 05 ngày 24/8/2023.

Giấy phép hoạt động số 282/BYT-GPHĐ ngày 22/7/2020 của Bộ Y tế.

1.5. Mã số thuế: 2400489519

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở y tế, khám chữa bệnh.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư.

- Phạm vi: Dự án thực hiện tại xứ đồng Huynh, thôn phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang trên diện tích đất khoảng 3.441,2m^2.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Dự án đầu tư nhóm B (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Xây dựng bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân với quy mô 140 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung của thôn Phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 06 *(không sáu)* năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Xây dựng bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân " tại thôn Phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và các giấy phép môi trường thành phần *(nếu có)* hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án "Xây dựng bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân " tại xứ đồng Huynh, thôn Phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 220/QĐ-TNMT ngày 20/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng, UBND thị trấn Tân An; Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
+ LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
+ Cổng thông tin điện tử tỉnh;
+ Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

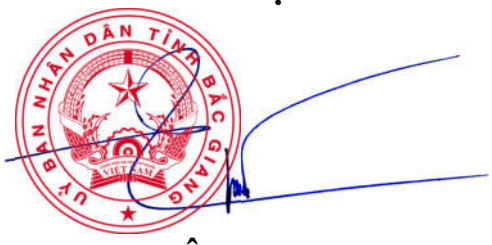

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: có 4 nguồn

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các hoạt động chuyên môn y tế (tráng rửa dụng cụ, thiết bị y tế, nước thải từ phòng xét nghiệm, phòng mổ….).

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ công đoạn giặt.

- Nguồn số 04: Nước thải máy lọc nước RO.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải chung (bao gồm nước thải sinh hoạt sau xử lý ở bể tự hoại, nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, nước thải từ công đoạn giặt, nước thải từ máy lọc nước RO) sau hệ thống xử lý nước thải tập trung xả thải vào hệ thống thoát nước chung thôn phố Tân An chảy ra trạm bơm Thái Sơn cuối cùng đổ ra Sông Thương.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung thôn phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí xả nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m^3/ngày đêm trước khi đấu nối với hệ thống thoát nước chung của thôn phố Tân An.

Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, trục kinh tuyến 107^0, múi chiếu 3^0) X=2352050 Y=424275;

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m^3/ngày đêm; tương đương với khoảng 3,3 m^3/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung được xả thải phương thức tự chảy qua rãnh thoát nước thải xây bằng gạch trát xi măng, nắp đậy bê tông cốt thép kích thước BxH 500x500 có chiều dài 80m ra hệ thống thoát nước chung thôn phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung thôn phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B, cụ thể như sau:

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép (QCVN 28:2010/BTNMT, C_{max}, k=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	BOD_5 (20°C)	mg/l	60	
3	COD	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24	
10	Tổng coliforms	MPN/100 ml	5.000	
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH	
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH	
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Tại khu vực toà nhà chính đã xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại (thể tích 24m^3/bể) được thu gom theo đường ống PVC D125 vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80m^3/ngày.đêm với tổng chiều dài đường ống 70m.

+ Tại khu vực toà nhà chính xây mới: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại (thể tích 24m^3/bể) được thu gom theo đường ống PVC D125 vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80m^3/ngày.đêm với tổng chiều dài đường ống 50m.

- Nước thải từ máy lọc nước RO: Nước thải theo đường ống D60 chảy về bể gom của trạm xử lý nước thải, tổng chiều dài đường ống 20m.

- Nước thải từ phòng giặt: Nước thải từ phòng giặt thu gom theo đường ống PCV D110, vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80m^3/ngày.đêm với tổng chiều dài đường ống 65m

- Nước thải từ hoạt động chuyên môn y tế được thu gom qua lavabo vào đường ống PVC D90 chiều dài 200m dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80m^3/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 80m^3/ngày đêm:

Nước thải (nước thải sau xử lý sơ bộ) → Bể gom (đồng thời là bể điều hòa) → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B → Hệ thống thu gom thoát nước chung thôn phố Tân An.

- Công suất thiết kế trạm xử lý nước thải: 80 m^3/ngày đêm

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học.

- Hóa chất sử dụng: Clo dạng khô 10kg/tháng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tử động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Định kỳ kiểm tra giám sát hoạt động xử lý nước thải, xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Đường ống dẫn nước thải được thường xuyên kiểm tra, theo dõi. Khi phát hiện đường ống bị hỏng, vỡ phải tiến hành lắp đặt, thay thế ống mới kịp thời.

+ Bảo dưỡng, nạo vét định kỳ trạm xử lý nước thải, bổ sung hóa chất, chế phẩm vi sinh kịp thời để đảm bảo hiệu quả xử lý của các bể.

+ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường

Trong quá trình hoạt động của trạm xử lý nước thải, có lúc máy bơm, hệ thống cấp khí, hệ thống điện,… bị hư hỏng, không thể hoạt động được, dẫn đến chất lượng nước xử lý không đạt quy chuẩn. Vì vậy, để giảm thiểu các rủi ro, sự cố từ hệ trạm xử lý nước thải, thực hiện các giải pháp sau:

* Biện pháp phòng ngừa:

- Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ trạm xử lý nước thải và từng công trình đơn vị. Trong đó, ngoài các số liệu về mặt kỹ thuật, còn cần chỉ rõ lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ trạm xử lý nước thải để tránh tình

trạng vi phạm quy tắc quản lý.

- Công nhân có kinh nghiệm trong vận hành trạm xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra;

- Vận hành hệ thống đúng quy trình;

- Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng.

- Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ; Theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường; Ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, dễ truy tìm đủ các tài liệu để tra cứu.

* Biện pháp ứng phó:

- Khi sự cố của trạm xử lý nước thải xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện…sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của trạm xử lý nước thải sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lướt cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt lưu ý đến mạng lướt thoát nước thải vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến công trình trạm xử lý nước thải.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho các hạng mục bể điều hòa, bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

- Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau:

+ Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không.

+ Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không.

+ Nếu trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngừng bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố.

Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà đưa ra phương án sửa chữa máy bơm kịp thời. Tốt nhất nên trang bị 2 máy bơm, vừa để sử dụng dự phòng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố, vừa để bơm kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.

- Các sự cố về sinh khối:

+ Sinh khối nổi lên mặt nước: Kiểm tra tải lượng hữu cơ, các chất ức chế

+ Sinh khối phát triển tản mạn: Thay đổi tải lượng hữu cơ, DO. Kiểm tra các chất độc để áp dụng biện pháp tiền xử lý hoặc giảm tải hữu cơ.

+ Sinh khối tạo thành hỗn hợp đặc: Tăng tải trọng, oxy, ổn định pH thích hợp, bổ sung chất dinh dưỡng.

- Tiến hành xử lý nhanh chóng sự cố xảy ra để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, ban quản lý sẽ đề xuất giải pháp thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 80m^3/ngày đêm của dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm và được xác nhận tại văn bản số số 1845/TNMT-BVMT ngày 22/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả xem xét vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đối với dự án xây dựng bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân *(công trình xử lý chất thải không phải vận hành thử nghiệm thuộc điểm e khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).*

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung thôn phố Tân An, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng *(đầu vào, đầu ra)*, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra *(nếu có)*; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày 02/5/2024 *của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: có 2 nguồn

+ Nguồn số 01: Hoạt động của máy phát điện.

+ Nguồn số 02: Hoạt động của máy giặt.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ 01 vị trí tại khu vực đặt máy phát điện. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^o, múi chiếu 3^o)X=2389 315 Y=424 503;

+ 01 vị trí tại khu vực đặt máy giặt. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^o, múi chiếu 3^o).X=2351 266 Y=424 27;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	*Khu vực đặc biệt*
2	70	55	-	*Khu vực thông thường*

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	*Khu vực đặc biệt*
2	70	60	-	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh trong khuôn viên và xung quanh tường rào bệnh viện nhằm tạo cảnh quan khu vực, điều hòa khí hậu và giảm thiểu phát tán tiếng ồn, bụi ra bên ngoài và từ ngoài vào.

- Bố trí thời gian thăm hỏi bệnh nhân vào những giờ nhất định để tránh gây ảnh hưởng đến sự nghỉ ngơi của bệnh nhân.

- Xây tường bao bao quanh bệnh viện để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, âm thanh từ các tuyến đường giao thông và khu vực dân cư xung quanh bệnh viện.

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.

- Trang bị bảo hộ lao động và các thiết bị cần thiết cho các cán bộ y tế và cản bộ kỹ thuật tại các vị trí cần thiết, bố trí thời gian làm việc hợp lý.

- Các phương tiện vận tải phải được thường xuyên bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ quy định cho từng khu vực nhằm đảm bảo không gây ồn cho khu vực xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khuôn viên Bệnh viện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại chứa thành phần lây nhiễm phát sinh thường xuyên khoảng 927,6kg/tháng. Trong đó:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn phát sinh khoảng: 20 kg/tháng

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn phát sinh khoảng: 860 kg/tháng

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phát sinh khoảng: 1,6 kg/tháng

+ Chất thải giải phẫu phát sinh khoảng: 46 kg/năm

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại không chứa thành phần lây nhiễm phát sinh thường xuyên khoảng 59,14 kg/năm. Trong đó

+ Chất hàn răng amalgan thải: 0,04 kg/tháng

+ Bao bì cứng thải bằng nhựa: 0,7 kg/tháng

+ Bao bì kim loại cứng dính chất thải nguy hại: 17 kg/tháng

+ Găng tay, giẻ lay nhiễm thành phần nguy hại: 40 kg/tháng

+ Pin, ắc quy thải bỏ phát sinh khoảng 0,8 kg/tháng;

+ Bóng đèn huỳnh quang thải phát sinh khoảng 0,6 kg/tháng;

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên và người nhà của người bệnh khoảng 46,67 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường 9,62 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

* Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại chứa thành phần lây nhiễm

- Bố trí 58 thùng rác nhựa màu vàng, có nắp đậy, lót túi nilon màu vàng, dung tích 20 lít/thùng, 20 hộp kháng thủng dung tích 5 lít/hộp tại khu vực khám chữa bệnh;

- Bố trí 4 thùng chứa màu vàng, có lót túi nilon màu vàng dung tích 120 lít/thùng tại kho chất thải nguy hại.

* Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại không chứa thành phần lây nhiễm

- Bố trí 10 thùng rác nhựa màu đen, có nắp đậy, lót túi nilon màu đen, dung tích 20 lít/thùng tại hành lang bệnh viện,

- Bố trí 02 thùng rác nhựa màu đen, lót túi nilon, có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng tại kho chứa chất thải nguy hại.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định với tần suất thu gom, xử lý 2 ngày/lần hoặc khi lượng chất thải phát sinh đột xuất vượt quá khả năng lưu trữ của kho chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại: 10m^2.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại chứa thành phần lây nhiễm: ngăn chứa diện tích 7m^2 trong kho chứa chất thải nguy hại chung diện tích 10m^2.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại không chứa thành phần lây nhiễm: ngăn chứa diện tích 3m^2 trong kho chứa chất thải nguy hại chung diện tích 10m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chất thải nguy hại có mái che, gờ cao 10cm bao quanh, mặt nền chống thấm độ dốc sàn 0,5% chảy về hướng hố thu gom nước thải. Hố gom nước thải kết cấu gạch đặc, trát xi măng chống thấm kích thước 0,6mx0,6mx1m. Bên ngoài có biển cảnh báo chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 71 thùng nhựa màu xanh, có nắp đậy, lót túi nilon màu xanh, dung tích 20 lít/thùng để lưu chứa chất thải y tế không tái chế, 29 thùng rác nhựa màu trắng, có nắp đậy, lót túi nilon màu trắng, dung tích 20 lít/thùng để lưu chứa chất thải tái chế tại khu vực khám chữa bệnh,

- Bố trí 7 thùng rác nhựa màu xanh, có nắp đậy, lót túi nilion màu xanh dung tích 120 lít/thùng, 04 thùng rác nhựa có nắp đậy, lót túi nilon màu trắng dung tích 120 lít/thùng tại kho chứa chất thải y tế thông thường.

Chủ dự án hợp đồng với đon vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định với tần suất thu gom, xử lý 2 lần/tuần hoặc khi lượng chất thải phát sinh đột xuất vượt quá khả năng lưu trữ của kho chất thải.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa: 10m^2

- Cấu tạo kho: Kho nền bê tông cốt thép, tường bao xung quanh bằng thép, có mái che, có biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 53 thùng rác nhựa màu xanh dung tích 20 lít/thùng, có nắp đậy tại khu vực khám bệnh; bố trí 02 xe đẩy chuyên dụng dung tích 500 lít/thùng xe.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định hàng ngày.

2.3.2. Kho chứa chất thải sinh hoạt: Không bố trí kho chứa rác thải sinh hoạt (bố trí 02 xe đẩy chuyên dụng dung tích 500 lít/xe đặt khu vực có mái che).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động đốt rác thải, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty cổ phần y dược Tân Dân - Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột B, trước khi đấu nối ra hệ thống thu gom nước của khu vực, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Trong thời gian được cấp phép mà tuyến đường ĐT.293 đoạn từ thành phố Bắc Giang đến QL.37 theo Quy hoạch xây dựng dọc hai bên tuyến đến năm 2030 tại Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh được triển khai thì chủ đầu tư phải thực hiện ngay việc điều chỉnh lại giấy phép môi trường hoặc lập thủ tục môi trường khác cho phù hợp theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 205/TTr-TNMT ngày 26/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở.